CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN - ĐIỆN LỰC 3	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 79 - CV/PC3HP.Co-NV	*Đăk Nông, ngày 25 tháng 03 năm 2019*

"V/v: Công bố thông tin bất thường"

Kính gửi:
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch CK TP Hồ Chí Minh

Công ty: Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3

Trụ sở chính: Thôn Nhà Đèn, xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đăk Nông

Điện thoại: 0261 3684 888

Fax: 0261 3684 666

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Sơn

Địa chỉ: Thôn Nhà Đèn, xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đăk Nông

Điện thoại di động: 0935 334 555; Điện thoại cố định: 0261 3684 888

Fax: 0261 3684 666

Loại thông tin công bố: ☒ 24h, ☐ 72h, ☐ Yêu cầu, ☐ Bất thường, ☐ Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 25/03/2019

- Nghị quyết số 08 - NQ/PC3HP.Co-ĐHCĐ, ngày 25/03/2019 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐIỆN LỰC 3

Nguyễn Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN - ĐIỆN LỰC 3	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 08 - NQ/PC3HP.Co-ĐHCĐ	*Đăk Lăk, ngày 25 tháng 03 năm 2019*

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13, ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 25/03/2019;

Ngày 25/03/2019, tại Hội trường Victoria 3, Khách sạn Sài Gòn - Ban Mê, số 01-03 Phan Chu Trinh, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 được tổ chức với sự tham gia của **41** cổ đông, sở hữu **5.529.210** cổ phần chiếm **58,20 %** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Sau khi nghe nội dung các báo cáo và các tờ trình, Đại hội đã thảo luận và biểu quyết nhất trí.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018

Phần biểu quyết:

- Tán thành : 5.529.210 Cổ phần chiếm 100,00 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành : 0 Cổ phần chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không ý kiến : 0 Cổ phần chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không hợp lệ : 0 Cổ phần chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết

Điều 2: Thông qua báo cáo hoạt động của Ban Giám đốc

Phần biểu quyết:

- Tán thành : 5.529.210 Cổ phần chiếm 100,00 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành : 0 Cổ phần chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không ý kiến : 0 Cổ phần chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không hợp lệ : 0 Cổ phần chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết

Điều 3: Thông qua báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị

Phần biểu quyết:

- Tán thành : 5.529.210 Cổ phần chiếm 100,00 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành : 0 Cổ phần chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không ý kiến : 0 Cổ phần chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không hợp lệ : 0 Cổ phần chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết

Điều 4: Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát

Phần biểu quyết:

- Tán thành : 5.529.210 Cổ phần chiếm 100,00 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành : 0 Cổ phần chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không ý kiến : 0 Cổ phần chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không hợp lệ : 0 Cổ phần chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết

Điều 5: Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận trong năm 2018 như sau:

1.Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018:

TT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	Tỷ lệ TH so với KH
1	Tổng sản lượng	kWh	72.000.000	68.252.035	94,79%
2	Tổng doanh thu	đồng	85.014.769.000	87.709.200.057	103,17%
	Trong đó:				
	- Doanh thu tiền điện	*đồng*	*73.228.429.000*	*76.012.710.889*	*103,80%*
	- Doanh thu tài chính	*đồng*	*3.000.000.000*	*3.366.613.617*	*112,22%*
	- Doanh thu từ Thuế Tài nguyên	*đồng*	*6.194.340.000*	*5.871.893.201*	*94,79%*
	- Doanh thu từ Phí DVMT rừng	*đồng*	*2.592.000.000*	*2.457.073.260*	*94,79%*
	- Thu nhập khác	*đồng*	*0*	*909.090*	
3	Tổng chi phí	đồng	35.860.685.000	32.647.828.267	91,04%
4	Lợi nhuận trước thuế	đồng	49.154.084.000	55.061.371.790	112,02%
5	Thuế TNDN	đồng	3.107.704.000	3.281.720.178	105,60%
6	Lợi nhuận sau thuế	đồng	46.046.380.000	51.779.651.612	112,45%

2.Phân phối lợi nhuận và trích lập các Quỹ năm 2018:

TT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	Tỷ lệ so với KH (%)
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN	đồng	46.046.380.000	51.779.651.612	112,45%
2	Trích lập các quỹ	đồng	2.791.855.000	3.021.186.064	108,21%
	- Quỹ Phúc lợi	*đồng*	*950.000.000*	*950.000.000*	*100,00%*
	- Quỹ khen thưởng	*đồng*	*1.841.855.000*	*2.071.186.064*	*112,45%*
3	**LN còn lại phân phối cho cổ đông**	**đồng**	**43.254.525.000**	**48.758.465.547**	112,72%
4	**Cổ tức năm 2018**	**%**	**45,53**	**51,32**	**112,72%**
5	Đã tạm ứng phần cổ tức của năm 2018	%	-	42,34	-
	- Đợt 1 năm 2018	%	-	7,34	-
	- Đợt 2 năm 2018	%	-	15,00	-
	- Đợt 3 năm 2018	%	-	20,00	
6	**Cổ tức năm 2018 còn lại chưa phân phối**	**%**	-	**8,98**	

Cổ tức được chi trả bằng tiền mặt. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị chọn thời điểm thích hợp chốt danh sách và triển khai việc chi trả toàn bộ phần cổ tức còn lại cho cổ đông.

Đối với phần lợi nhuận lũy kế từ các năm cộng dồn lại là: 125.262.861 đồng, Đại hội đồng cổ đông thống nhất cho trích toàn bộ bổ sung vào quỹ phúc lợi năm 2019 để phục vụ cho một số công tác phúc lợi của công ty.

Phần biểu quyết:

- Tán thành : 5.529.210 Cổ phần chiếm 100,00 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành : 0 Cổ phần chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không ý kiến : 0 Cổ phần chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không hợp lệ : 0 Cổ phần chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết

<u>Điều 6</u>: Thông qua các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh và phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 như sau:

TT	Nội dung	ĐVT	Thực hiên năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Tỷ lệ (%)
1	Sản lượng điện thương phẩm	kWh	68.252.035	74.000.000	108,42%
2	Tổng doanh thu	đồng	87.709.200.056	93.066.148.000	106,11%
	Trong đó:				
	- Doanh thu tiền điện	*đồng*	*76.012.710.888*	*80.735.743.000*	*106,21%*
	- Doanh thu tài chính	*đồng*	*3.366.613.617*	*3.300.000.000*	*98,02%*
	- Doanh thu từ thuế TN nước	*đồng*	*5.871.893.201*	*6.366.405.000*	*108,42%*
	- Doanh thu phí DVMT rừng	*đồng*	*2.457.073.260*	*2.664.000.000*	*108,42%*
	- Thu nhập khác	*đồng*	*909.090*	*0*	*0,00%*
3	Tổng chi phí (*)	đồng	32.647.828.267	35.928.397.000	110,05%
4	Lợi nhuận trước thuế	đồng	55.061.371.790	57.137.751.000	103,77%
5	Thuế TNDN	đồng	3.281.720.178	3.351.888.000	102,14%
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	đồng	51.779.651.612	53.785.863.000	103,87%
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đồng/CP	5.450	5.661	103,87%
8	Trích lập các quỹ	đồng	3.021.186.064	3.101.435.000	102,66%
	- Quỹ Phúc lợi	*đồng*	*950.000.000*	*950.000.000*	*100,00%*
	- Quỹ khen thưởng (4%LNST)	*đồng*	*2.071.186.064*	*2.151.435.000*	*103,87%*
9	**Lợi nhuận còn lại**	**đồng**	**48.758.465.547**	**50.684.428.000**	**103,95%**
10	**Cổ tức dự kiến**	**%**	**51,32**	**53,35**	**103,95%**

(*): Tổng chi phí chi tiết theo **Phụ lục 1** đính kèm

(**): Quỹ khen thưởng năm 2019 được trích bằng **4% Lợi nhuận sau thuế TNDN**.

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn thời điểm và tỷ lệ thích hợp để thực hiện các công tác triển khai việc tạm ứng cổ tức bằng tiền cho cổ đông.

Phần biểu quyết:

- Tán thành : 5.529.210 Cổ phần chiếm 100,00 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành : 0 Cổ phần chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không ý kiến : 0 Cổ phần chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không hợp lệ : 0 Cổ phần chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết

<u>Điều 7</u>: Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Thư ký công ty và mức lương của Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách:

Chức vụ	Số người	Thù lao năm 2018 (Đvt: đồng/ tháng)	Số người	Kiến nghị thù lao 2019 (Đvt: đồng/ tháng)
Chủ tịch HĐQT	1	10.000.000	1	10.000.000
Thành viên HĐQT	4	7.000.000	4	7.000.000
Trưởng ban Kiểm soát	1	Hưởng lương chuyên trách	1	Hưởng lương chuyên trách
Thành viên Ban Kiểm soát	2	5.000.000	2	5.000.000
Thư ký Công ty	1	5.000.000	1	5.000.000
Tổng tiền thù lao/năm (đồng)		**654.000.000**		**636.000.000**

Lương của Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách là: Thực hiện tương đương với mức lương của chức danh Phó Trưởng phòng công ty (Hệ số lương chuyên viên đang hưởng theo Quy định hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương của Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3 + mức phụ cấp chức vụ Phó Trưởng phòng).

Phần biểu quyết:

- Tán thành : 5.529.210 Cổ phần chiếm 100,00 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành : 0 Cổ phần chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không ý kiến : 0 Cổ phần chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không hợp lệ : 0 Cổ phần chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết

<u>Điều 8</u>: Thông qua việc lựa chọn Công ty Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019:

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị căn cứ vào năng lực, trình độ và đội ngũ kiểm toán viên chuyên nghiệp của các Công ty kiểm toán độc lập, đạt tiêu chuẩn kiểm toán các Công ty niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán được Uỷ Ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận, chủ động lựa chọn một đơn vị kiểm toán phù hợp để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019.

Phần biểu quyết:

- Tán thành : 5.529.210 Cổ phần chiếm 100,00 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành : 0 Cổ phần chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không ý kiến : 0 Cổ phần chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không hợp lệ : 0 Cổ phần chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết

<u>Điều 9</u>: Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị và Ban điều hành nghiên cứu một số dự án về Thủy điện, Điện mặt trời... Để đầu tư hoặc hợp tác đầu tư nhằm mở rộng quy mô hoạt động của công ty.

Phần biểu quyết:

- Tán thành : 5.529.210 Cổ phần chiếm 100,00 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành : 0 Cổ phần chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không ý kiến : 0 Cổ phần chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không hợp lệ : 0 Cổ phần chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết

Nơi nhận:
- Đại hội đồng cổ đông;
- UBCKNN, Sở GDCKTPHCM; *(để CBTT)*
- Trung tâm Lưu ký CK;
- Hội đồng quản trị;
- Ban Kiểm soát;
- Ban Giám đốc;
- Website: www.pc3hp.com.vn;
- Lưu: VT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI
CHỦ TỊCH HĐQT

M.S.D.N: 0400456277 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐIỆN LỰC 3
H. CƯ JÚT - T. ĐẮK NÔNG

Lê Kim Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN - ĐIỆN LỰC 3	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN CUỘC HỌP
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN - NĂM 2019

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3

Giấy Chứng nhận ĐKDN: Số 0400456277 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đăk Nông cấp thay đổi lần thứ 4, ngày 17/12/2014.

Thời gian: 08 giờ 00, ngày 25 tháng 03 năm 2019

Địa điểm: Phòng Victoria 3 khách sạn Sài Gòn - Ban Mê, số 01-03 Phan Chu Trinh, Tp Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk.

PHẦN I: GIỚI THIỆU KHAI MẠC ĐẠI HỘI

I. Thông qua Quy chế làm việc và Quy chế bầu cử của Đại hội

Ông: Lê Kim Hùng - Chủ tịch HĐQT công ty, trình bày Quy chế làm việc và Quy chế bầu cử của Đại hội.

Đại hội thống nhất 100% số cổ phần biểu quyết tại Đại hội thông qua Quy chế làm việc và Quy chế bầu cử của Đại hội.

II. Báo cáo kiểm tra tư cách đại biểu:

- Ban thẩm tra tư cách đại biểu:
  - Ông: Trần Thanh Hà - Trưởng ban
  - Ông: Võ Đình Thanh Tuấn - Thành viên
- Nội dung báo cáo:
  - Tổng số cổ đông mời tham dự: Toàn bộ cổ đông có tên trong danh sách cổ đông chốt đến ngày 26/02/2019, sở hữu 9.500.000 cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3.
  - Cổ đông tham dự Đại hội: 41 cổ đông và đại diện cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu cho 5.529.210 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 58,20 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.
  - Theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty, Đại hội Cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3 đủ điều kiện để tiến hành Đại hội.

III. Giới thiệu Đoàn Chủ tịch , Đoàn Thư ký và Ban Kiểm phiếu

1. Đoàn Chủ tịch:

- Ông: Lê Kim Hùng — Chủ tịch HĐQT - Chủ tịch đoàn
- Ông: Nguyễn Sơn — Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc - Thành viên
- Ông: Nguyễn Xuân Dũng — Thành viên HĐQT - Thành viên

2. Thư ký:

- Ông: Nguyễn Thanh Vương - Trưởng ban
- Ông: Nguyễn Thanh Bình - Thành viên

3. Ban kiểm phiếu:

- Ông: Võ Đình Thanh Tuấn - Trưởng ban
- Ông: Kim Tân Biên - Thành viên
- Ông: Nguyễn Văn Thơ - Thành viên

Đại hội biểu quyết 100% nhất trí trông qua danh sách danh sách Đoàn Chủ tịch, Đoàn Thư ký, Ban Kiểm phiếu

IV. Giới thiệu Chương trình Đại hội

Ông: Lê Kim Hùng - Chức vụ: Chủ tịch đoàn, giới thiệu chương trình Đại hội.

Đại hội thống nhất 100% số cổ phần biểu quyết tại Đại hội thông qua Chương trình Đại hội.

(Tùy thời gian của Đại hội, Chương trình có sự điều chỉnh thích hợp)

PHẦN II: BÁO CÁO TẠI ĐẠI HỘI

Đại hội nghe trình bày các báo cáo sau:

I. Báo cáo của Ban Giám đốc

Người trình bày: Ông Nguyễn Sơn - Chức vụ: Giám đốc

II. Báo cáo của Hội đồng quản trị

Người trình bày: Ông Lê Kim Hùng - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

III. Báo cáo Ban Kiểm soát

Người trình bày: Ông Trần Thanh Hà - Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách

IV. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018

Người trình bày: Ông Phạm Đức Hùng - Chức vụ: Kế Toán trưởng

V. Tờ trình các nội dung xin ý kiến ĐHĐCĐ thường niên năm 2019

Người trình bày: Ông Lê Kim Hùng - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

PHẦN III: Ý KIẾN CỦA CỔ ĐÔNG:

Cổ đông nêu các câu hỏi và ý kiến trả lời của HĐQT:

1. Cổ đông có một số ý kiến sau:
   - Đối với nội dung nghiên cứu đầu tư mở rộng nhà máy thủy điện Đrây H'Linh 2: Địa phương vẫn chưa đồng ý, chúng ta cần tiếp tục xin sự đồng thuận của địa phương để có thể triển khai đầu tư trong thời gian đến.
   - Thống nhất công tác nghiên cứu xây dựng điện mặt trời trên phần diện tích đất hiện có của công ty. Tuy nhiên cần theo dõi một số nhà máy điện mặt trời trong khu vực để có đánh giá chính xác và cụ thể hơn về giá bán điện, suất đầu tư, thiết bị… trước khi xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông để thông qua chủ trương đầu tư.
2. Ông Lê Kim Hùng - Chủ tịch HĐQT nhất trí thống nhất với ý kiến phát biểu của các cổ đông và sẽ chỉ đạo ban điều hành triển khai thực hiện nhanh trong tời gian đến.

PHẦN IV: CỔ ĐÔNG BIỂU QUYẾT

Sau khi nghe nội dung các Báo cáo và các nội dung HĐQT trình, Đại hội đã thảo luận và nhất trí biểu quyết với các nội dung chi tiết như sau:

- **Nội dung 1: Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018**
  - ➢ **Kết quả**

Số phiếu hợp lệ: 41	**- Số cổ phần: 5.529.210**	**- Tỷ lệ: 100,00 %**
+ Số phiếu tán thành: **41**	- Số cổ phần: 5.529.210	- Tỷ lệ: 100,00 %
+ Số phiếu không tán thành: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0 %
+ Số phiếu không ý kiến: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0 %
Số phiếu không hợp lệ: 0	**- Số cổ phần: 0**	**- Tỷ lệ: 0 %**

  - ➢ **Như vậy Nội dung 1 đã được thông qua.**

- **Nội dung 2: Thông qua báo cáo của Ban Giám đốc**
  - ➢ **Kết quả**

Số phiếu hợp lệ: 41	**- Số cổ phần: 5.529.210**	**- Tỷ lệ: 100,00 %**
+ Số phiếu tán thành: **41**	- Số cổ phần: 5.529.210	- Tỷ lệ: 100,00 %
+ Số phiếu không tán thành: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0 %
+ Số phiếu không ý kiến: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0 %
Số phiếu không hợp lệ: 0	**- Số cổ phần: 0**	**- Tỷ lệ: 0 %**

  - ➢ **Như vậy Nội dung 2 đã được thông qua.**

- **Nội dung 3: Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị**
  - ➢ **Kết quả**

Số phiếu hợp lệ: 41	**- Số cổ phần: 5.529.210**	**- Tỷ lệ: 100,00 %**
+ Số phiếu tán thành: **41**	- Số cổ phần: 5.529.210	- Tỷ lệ: 100,00 %
+ Số phiếu không tán thành: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0 %
+ Số phiếu không ý kiến: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0 %
Số phiếu không hợp lệ: 2	**- Số cổ phần: 4.500**	**- Tỷ lệ: 0,0670 %**

  - ➢ **Như vậy Nội dung 3 đã được thông qua.**

- **Nội dung 4: Thông qua báo cáo của Ban Kiểm soát**
  - ➢ **Kết quả**

Số phiếu hợp lệ: 41	**- Số cổ phần: 5.529.210**	**- Tỷ lệ: 100,00 %**
+ Số phiếu tán thành: **41**	- Số cổ phần: 5.529.210	- Tỷ lệ: 100,00 %
+ Số phiếu không tán thành: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0 %
+ Số phiếu không ý kiến: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0 %
Số phiếu không hợp lệ: 0	**- Số cổ phần: 0**	**- Tỷ lệ: 0 %**

  - ➢ **Như vậy Nội dung 4 đã được thông qua.**

- **Nội dung 5: Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận trong năm 2018 như sau:**

**** Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018:***

TT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	Tỷ lệ TH so với KH
1	Tổng sản lượng	kWh	72.000.000	68.252.035	94,79%
2	Tổng doanh thu	đồng	85.014.769.000	87.709.200.057	103,17%
	Trong đó:				
	- Doanh thu tiền điện	*đồng*	*73.228.429.000*	*76.012.710.889*	*103,80%*
	- Doanh thu tài chính	*đồng*	*3.000.000.000*	*3.366.613.617*	*112,22%*
	- Doanh thu từ Thuế Tài nguyên	*đồng*	*6.194.340.000*	*5.871.893.201*	*94,79%*
	- Doanh thu từ Phí DVMT rừng	*đồng*	*2.592.000.000*	*2.457.073.260*	*94,79%*
	- Thu nhập khác	*đồng*	*0*	*909.090*	
3	Tổng chi phí	đồng	35.860.685.000	32.647.828.267	91,04%
4	Lợi nhuận trước thuế	đồng	49.154.084.000	55.061.371.790	112,02%
5	Thuế TNDN	đồng	3.107.704.000	3.281.720.178	105,60%
6	Lợi nhuận sau thuế	đồng	46.046.380.000	51.779.651.612	112,45%

**** Phân phối lợi nhuận và trích lập các Quỹ năm 2018:***

TT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	Tỷ lệ so với KH (%)
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN	đồng	46.046.380.000	51.779.651.612	112,45%
2	Trích lập các quỹ	đồng	2.791.855.000	3.021.186.064	108,21%
	- Quỹ Phúc lợi	*đồng*	*950.000.000*	*950.000.000*	*100,00%*
	- Quỹ khen thưởng	*đồng*	*1.841.855.000*	*2.071.186.064*	*112,45%*
3	**LN còn lại phân phối cho cổ đông**	**đồng**	**43.254.525.000**	**48.758.465.547**	112,72%
4	**Cổ tức năm 2018**	**%**	**45,53**	**51,32**	**112,72%**
5	Đã tạm ứng phần cổ tức của năm 2018	%	-	42,34	-
	- Đợt 1 năm 2018	%	-	7,34	-
	- Đợt 2 năm 2018	%	-	15,00	-
	- Đợt 3 năm 2018	%	-	20,00	
6	**Cổ tức năm 2018 còn lại chưa phân phối**	**%**	-	**8,98**	

Cổ tức được chi trả bằng tiền mặt. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị chọn thời điểm thích hợp chốt danh sách và triển khai việc chi trả toàn bộ phần cổ tức còn lại cho cổ đông.

Đối với phần lợi nhuận lũy kế từ các năm cộng dồn lại là: 125.262.861 đồng, Đại hội đồng cổ đông thống nhất cho trích toàn bộ bổ sung vào quỹ phúc lợi năm 2019 để phục vụ cho một số công tác phúc lợi của công ty.

➢ **Kết quả**

Số phiếu hợp lệ: 41	**- Số cổ phần: 5.529.210**	**- Tỷ lệ: 100,00 %**
+ Số phiếu tán thành: **41**	- Số cổ phần: 5.529.210	- Tỷ lệ: 100,00 %
+ Số phiếu không tán thành: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0 %
+ Số phiếu không ý kiến: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0 %
Số phiếu không hợp lệ: 0	**- Số cổ phần: 0**	**- Tỷ lệ: 0 %**

➢ **Như vậy Nội dung 5 đã được thông qua.**

- **Nội dung 6: Thông qua các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 và phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 như sau:**

TT	Nội dung	ĐVT	Thực hiên năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Tỷ lệ (%)
1	Sản lượng điện thương phẩm	kWh	68.252.035	74.000.000	108,42%
2	Tổng doanh thu	đồng	87.709.200.056	93.066.148.000	106,11%
	Trong đó:				
	- Doanh thu tiền điện	*đồng*	*76.012.710.888*	*80.735.743.000*	*106,21%*
	- Doanh thu tài chính	*đồng*	*3.366.613.617*	*3.300.000.000*	*98,02%*
	- Doanh thu từ thuế TN nước	*đồng*	*5.871.893.201*	*6.366.405.000*	*108,42%*
	- Doanh thu phí DVMT rừng	*đồng*	*2.457.073.260*	*2.664.000.000*	*108,42%*
	- Thu nhập khác	*đồng*	*909.090*	*0*	*0,00%*
3	Tổng chi phí (*)	đồng	32.647.828.267	35.928.397.000	110,05%
4	Lợi nhuận trước thuế	đồng	55.061.371.790	57.137.751.000	103,77%
5	Thuế TNDN	đồng	3.281.720.178	3.351.888.000	102,14%
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	đồng	51.779.651.612	53.785.863.000	103,87%
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đồng/CP	5.450	5.661	103,87%
8	Trích lập các quỹ	đồng	3.021.186.064	3.101.435.000	102,66%
	- Quỹ Phúc lợi	*đồng*	*950.000.000*	*950.000.000*	*100,00%*
	- Quỹ khen thưởng (4%LNST)	*đồng*	*2.071.186.064*	*2.151.435.000*	*103,87%*
9	**Lợi nhuận còn lại**	**đồng**	**48.758.465.547**	**50.684.428.000**	**103,95%**
10	**Cổ tức dự kiến**	**%**	**51,32**	**53,35**	**103,95%**

(*): Tổng chi phí chi tiết theo **Phụ lục 1** đính kèm

(**): Quỹ khen thưởng năm 2019 được trích bằng **4% Lợi nhuận sau thuế TNDN**.

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn thời điểm và tỷ lệ thích hợp để thực hiện các công tác triển khai việc tạm ứng cổ tức bằng tiền cho cổ đông.

➢ **Kết quả**

Số phiếu hợp lệ: 41	**- Số cổ phần: 5.529.210**	**- Tỷ lệ: 100,00 %**

+ Số phiếu tán thành: **41**	- Số cổ phần: 5.529.210	- Tỷ lệ: 100,00 %
+ Số phiếu không tán thành: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0 %
+ Số phiếu không ý kiến: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0 %
Số phiếu không hợp lệ: 0	**- Số cổ phần: 0**	**- Tỷ lệ: 0 %**

➢ **Như vậy Nội dung 6 đã được thông qua.**

- **Nội dung 7: Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Thư ký Công ty và mức lương của Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách:**

Chức vụ	Số người	Thù lao năm 2018 (Đvt: đồng/ tháng)	Số người	Kiến nghị thù lao 2019 (Đvt: đồng/ tháng)
Chủ tịch HĐQT	1	10.000.000	1	10.000.000
Thành viên HĐQT	4	7.000.000	4	7.000.000
Trưởng ban Kiểm soát	1	Hưởng lương chuyên trách	1	Hưởng lương chuyên trách
Thành viên Ban Kiểm soát	2	5.000.000	2	5.000.000
Thư ký Công ty	1	5.000.000	1	5.000.000
Tổng tiền thù lao/năm (đồng)		**636.000.000**		**636.000.000**

Hệ số lương của Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách là: Thực hiện tương đương với mức lương của chức danh Phó Trưởng phòng công ty (Hệ số lương chuyên viên đang hưởng theo Quy định hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương của Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3 + mức phụ cấp chức vụ Phó Trưởng phòng).

➢ **Kết quả**

Số phiếu hợp lệ: 41	**- Số cổ phần: 5.529.210**	**- Tỷ lệ: 100,00 %**
+ Số phiếu tán thành: **41**	- Số cổ phần: 5.529.210	- Tỷ lệ: 100,00 %
+ Số phiếu không tán thành: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0 %
+ Số phiếu không ý kiến: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0 %
Số phiếu không hợp lệ: 0	**- Số cổ phần: 0**	**- Tỷ lệ: 0 %**

➢ **Như vậy Nội dung 7 đã được thông qua.**

Nội dung 8: Thông qua việc lựa chọn Công ty Kiểm toán năm 2019:

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị căn cứ vào năng lực, trình độ và đội ngũ kiểm toán viên chuyên nghiệp của các Công ty kiểm toán độc lập, đạt tiêu chuẩn kiểm toán các Công ty niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán được Uỷ Ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận, chủ động lựa chọn một đơn vị kiểm toán phù hợp để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019.

➢ **Kết quả**

Số phiếu hợp lệ: 41	**- Số cổ phần: 5.529.210**	**- Tỷ lệ: 100,00 %**

+ Số phiếu tán thành: **41**	- Số cổ phần: 5.529.210	- Tỷ lệ: 100,00 %
+ Số phiếu không tán thành: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0 %
+ Số phiếu không ý kiến: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0 %
Số phiếu không hợp lệ: 0	**- Số cổ phần: 0**	**- Tỷ lệ: 0 %**

➢ **Như vậy Nội dung 8 đã được thông qua.**

- **Nội dung 9: Kế hoạch đầu tư phát triển công ty:**

Để phát triển công ty trong thời gian đến, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 thống nhất chủ trương giao cho HĐQT và Ban điều hành nghiên cứu một số dự án về Thủy điện, Điện mặt trời ...Để đầu tư hoặc hợp tác đầu tư.

➢ **Kết quả**

Số phiếu hợp lệ: 41	**- Số cổ phần: 5.529.210**	**- Tỷ lệ: 100,00 %**
+ Số phiếu tán thành: **41**	- Số cổ phần: 5.529.210	- Tỷ lệ: 100,00 %
+ Số phiếu không tán thành: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0 %
+ Số phiếu không ý kiến: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0 %
Số phiếu không hợp lệ: 0	**- Số cổ phần: 0**	**- Tỷ lệ: 0 %**

➢ **Như vậy Nội dung 9 đã được thông qua.**

PHẦN V: THÔNG QUA BIÊN BẢN CUỘC HỌP

Người trình bày: Nguyễn Thanh Vương - Trưởng Ban thư ký Đại hội đọc biên bản cuộc họp

Đại hội biểu quyết và nhất trí thông qua toàn văn Biên bản cuộc họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 với 100 % số phiếu tán thành.

Biên bản này được lập thành 04 bản và được lưu tại Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3.

Đại hội kết thúc 10 giờ 25 phút cùng ngày.

THƯ KÝ ĐẠI HỘI	**TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH** **Chủ tịch đoàn**
Nguyễn Thanh Vương	**Lê Kim Hùng**

PHỤ LỤC 1: KẾ HOẠCH CHI PHÍ NĂM 2019

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
1	**Các khoản thuế, phí, lệ phí.**	**9.899.592.000**	
1.1	Thuế môn bài	3.000.000	
1.2	Thuế tài nguyên nước	6.366.405.000	
1.3	Phí dịch vụ môi trường rừng	2.664.000.000	
1.4	Phí cấp quyền khai thác nước mặt	860.187.000	
2	**Tài sản cố định**	**4.100.000.000**	
2.1	Chi phí khấu hao TSCĐ	4.100.000.000	
3	**Duy tu bảo dưỡng và thí nghiệm định kỳ hàng năm**	**4.847.923.000**	
3.1	Thí nghiệm định kỳ nhà máy và trạm biến áp	450.000.000	
3.2	Bảo dưỡng thiết bị chính 2 tổ máy nhà máy thủy điện Đrây H'Linh 2	821.115.000	
3.3	Sửa chữa bảo dưỡng các thiết bị nâng và thiết bị phụ trợ nhà máy thủy điện Đrây H'Linh 2	750.000.000	
3.4	Chi phí mua trục tổ máy H1 (=3.717.723.000 đồng)	1.239.241.000	*Phân bổ năm thứ 2*
3.5	Thay trục và đại tu tổ máy số 1 nhà máy thủy điện Đrây H'Linh 2 (=2.557.658.593 đồng)	852.567.000	*Phân bổ năm thứ 2*
3.6	Nạo vét kênh, bể áp lực, cửa nhận nước và sửa phao chắn rác	285.000.000	
3.7	Bảo dưỡng và sơn cửa vận hành tổ máy H2	400.000.000	
3.8	Thay thế và cải tạo một số thiết bị hư hỏng	50.000.000	
4	**Nguyên vật liệu phụ vụ sản xuất**	**400.000.000**	
4.1	Chi phí NVL (dầu máy): 250lít/tháng x 12 tháng x 80.000đồng	240.000.000	
4.2	Vật tư thiết bị dự phòng	160.000.000	

STT	Nội dung	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
5	**An toàn - Vệ sinh lao động**	**434.600.000**	
5.1	Chi phí kiểm định các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về AT	45.000.000	
5.2	Trang phục + Trang bị bảo vệ cá nhân	225.000.000	
5.3	Trang cụ an toàn	45.000.000	Mua bổ sung thay thế các trang cụ thí nghiệm không đạt
5.4	Trang bị tủ sơ cứu y tế cơ quan	29.000.000	
5.5	Đo kiểm môi trường lao động định kỳ	26.000.000	
5.6	Khám sức khỏe định kỳ	39.600.000	
5.7	Chi phí huấn luyện an toàn định kỳ	25.000.000	
6	**Chi phí PCCC**	**124.879.000**	
6.1	Bảo dưỡng, thí nghiệm và kiểm định định kỳ hệ thống PCCC	54.500.000	
6.2	Huấn luyện và diễn tập PCCC	32.000.000	
6.3	Bảo hiểm cháy nổ bắt buộc (theo thực tế)	38.379.000	
7	**Chi phí phòng chống bão lụt và bảo vệ an toàn đập**	**283.000.000**	
8	**Chi phí bảo vệ môi trường**	**205.450.000**	
8.1	Giám sát môi trường và xử lý chất thải nguy hại	195.450.000	
8.2	Trồng cây bổ sung bãi thải đất đá	10.000.000	
9	**Chi phí biên soạn tài liệu, bồi huấn và tổ chức thi nâng bậc**	**72.000.000**	
10	**Điện mua ngoài phục vụ sản xuất (ước theo năm 2018)**	**600.000.000**	
11	**Quỹ tiền lương gồm: Quỹ lương Người Lao động, Quỹ lương Viên chức quản lý, Thưởng vận hành an toàn**	**9.695.029.000**	
12	**Trích BHXH, BHYT, BHTN và KPCĐ**	**864.184.000**	

STT	Nội dung	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
12.1	BHXH, BHYT và BHTN = (21,5% x 2.000.000 x 4,08 x 12 tháng x 33 người) + (21,5% x 2.000.000 x 6,78 x 12 tháng) + (21,5% x 2.000.000 x 6,08 x 12 tháng) + (21,5% x 2.000.000 x 5,73 x 12 tháng)	790.667.000	
12.2	Kinh phí công đoàn (2% x Tổng quỹ lương đóng BHXH)	73.517.000	
13	**Công tác phí**	**350.000.000**	
14	**Nhiên liệu cho xe đi công tác, phục vụ nhiệm vụ khác, công tác sửa chữa, và đại tu** (theo số liệu thực tế)	**331.960.000**	
14.1	Xăng 02 xe (trung bình mỗi ngày 180Km x 30 ngày x 12 tháng + Nhiệm vụ khác 700Km/tháng x 12 tháng)	278.160.000	
14.2	Mua bảo hiểm 02 ôtô (theo hợp đồng thực tế)	25.000.000	
14.3	Vé cầu đường: 12 tháng x 400.000đ/tháng	4.800.000	
14.4	Sửa chữa nhỏ, bảo dưỡng 2 xe ôtô: 12 tháng x 1.000.000 đ/tháng x 02 xe	24.000.000	
15	**Nghiệp vụ, văn phòng phí (theo số liệu thực tế)**	**237.200.000**	
15.1	Điện thoại cố định, fax của Công ty (4 Máy x 500.000 đồng/ tháng x 12 tháng) + Internet	36.000.000	
15.2	Điện thoại của Chủ tịch HĐQT Công ty: 500.000 đồng/tháng x 12 tháng	6.000.000	
15.3	Điện thoại của Uỷ viên HĐQT và Thư ký Công ty: [(400.000 đồng/tháng x 5 người) x 12 tháng	24.000.000	
15.4	Điện thoại của Trưởng BKS, UV BKS: 3 người x 400.000 đồng/tháng x 12 tháng	14.400.000	
15.5	Điện thoại của Giám đốc: 1.000.000 đồng/ tháng x 12 tháng	12.000.000	
15.6	Điện thoại của Phó Giám đốc, Kế Toán trưởng, P. Quản đốc PX: (2 máy x 500.000 đồng + 1 máy x 400.000 đồng) x 12 tháng	16.800.000	
15.7	Văn phòng phẩm: Giấy, bút, mực máy in… (6.000.000đ/tháng x 12 tháng)	72.000.000	
15.8	Bưu kiện, phát chuyển nhanh, tem thư, phong bì (3.000.000 đồng/tháng x 12 tháng)	36.000.000	
15.9	Tài liệu nghiên cứu	20.000.000	
16	**Sữa chữa bảo dưỡng trang thiết bị văn phòng**	**50.000.000**	

STT	Nội dung	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
17	**Chi phí tiền ăn giữa ca (33 người x 730.000 đồng/tháng x 12 tháng)**	**289.080.000**	
18	**Chi phí cho công tác chứng khoán**	**106.000.000**	
18.1	Phí tư vấn công bố thông tin	15.000.000	
18.2	Phí quản lý công ty niêm yết hàng năm	26.000.000	
18.3	Phí tư vấn làm báo cáo thường niên	20.000.000	
18.4	Phí thực hiện quyền (3 lần x 15.000.000 đồng/lần)	45.000.000	
19	**Các công tác khác**	**549.000.000**	
19.1	Phí chuyển thanh toán tiền	50.000.000	
19.2	Chi phí kiểm toán Báo cáo tài chính bán niên và năm	60.000.000	
19.3	Chi phí bồi dưỡng nghiệp vụ, học tập	60.000.000	
19.4	Tiếp khách, hội nghị, họp HĐQT	150.000.000	
19.5	Đại hội cổ đông (Mỗi năm 1 lần)	60.000.000	
19.6	Phí đăng báo, đài	45.000.000	
19.7	Nước uống tại Công ty (25.000 đồng/Bình 20 lít x 80 Bình/tháng x 12 tháng)	24.000.000	
19.8	Đóng góp xây dựng nông thôn mới huyện Cư Jút	100.000.000	
20	**Thù lao HĐQT, BKS, Thư ký**	**636.000.000**	
21	**Thù lao Người quản trị công ty (2.000.000/tháng)**	**24.000.000**	
22	**Sửa chữa một số TSCD**	**1.828.500.000**	
22.1	Phân bổ chi phí sửa chữa nhà khu nhà máy và khu văn phòng công ty	478.500.000	*Phân bổ năm cuối*
22.2	Chống thấm mái, sửa nền và sơn lại nhà vận hành NMTĐ Đrây H'Linh 2 (tạm tính)	750.000.000	
22.3	Nắn đường dân sinh ra khỏi khuôn viên nhà máy	150.000.000	

STT	Nội dung	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
22.4	Làm hàng rào bảo vệ khuôn viên nhà máy	450.000.000	
	TỔNG CỘNG	**35.928.397.000**	

Bằng chữ: **Ba mươi lăm tỷ, chín trăm hai mươi tám triệu, ba trăm chín mươi bảy nghìn đồng.**